

**ẨN DỤ Ý NIỆM “THIÊN NHIÊN LÀ CON NGƯỜI”
TRONG THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM
(THUỘC SGK NGỮ VĂN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG)**

Bùi Thị Bình

Trường THPT Tô Hiệu, TP. Sơn La

Tóm tắt: Ngôn ngữ học tri nhận cho rằng ẩn dụ là một công cụ hữu hiệu để con người ý niệm hoá các khái niệm trừu tượng. Ẩn dụ tri nhận là hình thái tư duy của con người về thế giới. Tiếp cận các tác phẩm thơ hiện đại Việt Nam (trong Sách giáo khoa Ngữ văn THPT) dưới góc độ ngôn ngữ học tri nhận, bài viết nghiên cứu, lí giải mô hình ẩn dụ cấu trúc “THIÊN NHIÊN LÀ CON NGƯỜI”, nhận thức và lí giải các phạm trù của thế giới qua ý niệm ẩn dụ được thể hiện trong ngôn ngữ, từ đó giải mã các tín hiệu ngôn ngữ cũng như thế giới tinh thần của các nhà thơ..

Từ khóa: Ẩn dụ ý niệm, ánh xạ, thiên nhiên, con người.

1. MỞ ĐẦU

Một trong những hướng nghiên cứu nổi bật của ngôn ngữ học tri nhận là việc nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm. Từ trước đến nay, các nhà ngôn ngữ học truyền thống vẫn nhìn nhận ẩn dụ chỉ như là một phép chuyển nghĩa (master trope), một biện pháp tu từ (rhetoric) hay một hiện tượng ngôn ngữ đơn thuần (a purely linguistic device) [4]. Quan điểm này tồn tại rất nhiều năm bởi việc thừa nhận ngôn ngữ độc lập với ý thức và tư duy. Sau này, khi khoa học tri nhận phát triển, các nhà ngôn ngữ học tri nhận khẳng định ẩn dụ không phải là một hiện tượng ngôn ngữ đơn thuần mà là một hệ thống ý niệm, một quá trình gồm các nguyên tắc tri nhận giúp hình thành tri thức, nó chi phối và điều khiển cách con người tư duy và lĩnh hội thế giới. Ẩn dụ ý niệm có vai trò quan trọng trong ngôn ngữ nói chung và trong thơ ca nói riêng. Nó đem đến cho thơ ca sự mới mẻ, sáng tạo trong cách cảm nhận thế giới và mở ra cho con người những khả năng tìm tòi, khám phá về các mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng với nhau và mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng của thực tế khách quan với chính bản thân con người. Mặt khác, nhờ ẩn dụ ý niệm, con người hiểu rõ hơn, nắm bắt rõ hơn về quá trình tư duy, khám phá thế giới và dấu ấn văn hoá của dân tộc mình phản chiếu qua ngôn ngữ.

2. MỘT SỐ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN

2.1. Ẩn dụ ý niệm và cơ chế ánh xạ giữa hai miền không gian Nguồn - Đích

Ngôn ngữ học tri nhận coi ẩn dụ là công cụ quan trọng để ý niệm hoá. Ẩn dụ ý niệm là một trong những hình thức tư duy ý niệm, phản ánh sự nhận thức và ý niệm hoá của con người về thế giới quanh mình qua các biểu thức và các diễn đạt ngôn ngữ, bằng cách lấy con người làm bản thể định vị giữa không gian, thời gian, và các nguyên tắc, sự kiện, hành động, tư tưởng, tôn giáo, niềm tin... của con người tương tác mật thiết với nhau trong không gian - thời gian ấy. Ẩn dụ ý niệm dựa trên kinh nghiệm của con người đối với thế giới, trong đó một miền (thông thường là miền cụ thể) được áp dụng để hiểu một miền khác (thông thường là miền trừu tượng hơn), miền thứ nhất được gọi là miền Nguồn (source domain) và miền thứ hai gọi là miền Đích (target domain). Tư duy ẩn dụ được hiểu thông qua sơ đồ ánh xạ, là một hệ thống cố định của các điểm tương ứng giữa các yếu tố hợp thành miền Nguồn và miền Đích. Khi các điểm tương ứng được kích hoạt trong ý thức của con người, các sơ đồ ánh xạ phóng chiếu từ miền Nguồn sang miền Đích dựa trên những điểm tương ứng. Những tri thức ở miền nguồn ánh xạ lên miền đích theo quan hệ gán ghép. Cả hai miền nguồn và đích đều là những ý niệm, được cấu trúc hoá theo mô hình trường - chức năng: trung tâm - ngoại vi, trong đó hạt nhân là khái niệm nằm ở trung tâm, mang tính phổ quát toàn nhân loại, và

ngoại vi là những yếu tố ngôn ngữ, văn hoá dân tộc, nằm trong một “khung” hay “nền” văn hoá nhất định mang tính đặc thù [1].

2.2. Ẩn dụ cấu trúc

Theo Lakoff và Johnson, ẩn dụ ý niệm có 3 loại chính: Ẩn dụ cấu trúc (Structural metaphors), ẩn dụ định hướng (Orientational metaphors) và ẩn dụ bản thể (Ontological metaphors). Cũng theo Lakoff và Johnson (1980), ẩn dụ cấu trúc chiếm số lượng chủ yếu của ẩn dụ ý niệm. Ẩn dụ cấu trúc có đặc điểm miền Nguồn cung cấp một cấu trúc tri thức tương đối phong phú cho miền Đích. Chức năng tri nhận của những ẩn dụ này là cho phép chúng ta hiểu miền đích A nhờ vào cấu trúc của miền nguồn B. Sự hiểu biết này diễn ra thông qua các ánh xạ ý niệm giữa những yếu tố của A và B. Hầu hết ẩn dụ cấu trúc cung cấp loại cấu trúc và hiểu biết về miền ý niệm Đích của chúng qua những trải nghiệm của con người và nói chung là miền Nguồn cụ thể hơn, dễ hiểu hơn, miền Đích thường trừu tượng, khái quát hơn [5].

2.3. Ngữ liệu khảo sát trong Sách giáo khoa Ngữ văn THPT

Ngữ liệu được chúng tôi khảo sát là 20 tác phẩm thơ hiện đại Việt Nam (tính từ 1900) được đưa vào giảng dạy trong chương trình Ngữ văn THPT (bao gồm các tác phẩm học chính khóa và đọc thêm). Các tác phẩm chủ yếu được giảng dạy bắt đầu từ kì 2 lớp 11. Các biểu thức ngôn ngữ chứa ẩn dụ ý niệm (thuộc ẩn dụ cấu trúc) trong thơ khá phong phú. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi chỉ lựa chọn một mô hình ẩn dụ cấu trúc THIÊN NHIÊN LÀ CON NGƯỜI để phân tích và làm rõ các đặc trưng cũng như hình thái tư duy của các tác giả. Số lượng các biểu thức ngôn ngữ chứa ẩn dụ này được chúng tôi khảo sát là 32.

3. ẨN DỤ Ý NIỆM THIÊN NHIÊN LÀ CON NGƯỜI

3.1. Mô hình chiếu xạ giữa miền Nguồn đến miền Đích của ý niệm THIÊN NHIÊN LÀ CON NGƯỜI

Sự chiếu xạ ẩn dụ liên quan chặt chẽ đến kinh nghiệm hàng ngày, do đó những đặc điểm miền Nguồn chiếu xạ đến miền Đích thường là những đặc điểm nổi trội. Để phân tích những thuộc tính được chọn lọc cho miền

nguồn được chiếu xạ lên miền đích, chúng tôi phân tích hai miền ý niệm CON NGƯỜI và THIÊN NHIÊN. Miền nguồn CON NGƯỜI chiếu xạ lên miền đích là THIÊN NHIÊN. Đặc tính của con người được gán cho thiên nhiên theo mô hình trung tâm – ngoại vi. Những ý niệm này có nguồn gốc trong chiều sâu tư tưởng triết học. Triết học ghi nhận quan niệm “thiên nhân hợp nhất”. Người phương Đông coi con người là tiểu vũ trụ trong hệ thống lớn, trời đất với ta cùng sinh, vạn vật với ta là một. Như vậy con người cũng chứa đựng tất cả những tính chất, những điều huyền bí của vũ trụ, của thiên nhiên bao la rộng lớn.

Trong bức tranh ngôn ngữ chung của người Việt, việc tri nhận về con người thông qua thiên nhiên diễn ra rất phổ biến. Theo chiều ngược lại, để tri nhận về thiên nhiên, con người cũng có thể vận dụng những tri thức, những hiểu biết về chính bản thân mình. Lấy đặc điểm ngoại hình, phẩm chất, tính cách, tư duy con người để phóng chiếu sang các sự vật, hiện tượng tự nhiên giúp con người nhận thức và hiểu nhanh nhất về tự nhiên.

Thiên nhiên là một phạm trù rộng lớn bao trùm lên gần như toàn bộ sự vật, hiện tượng tự nhiên trong thực tế khách quan, trong đó có con người. Tuy nhiên, trong cấu trúc tri nhận của con người, con người tự tách mình ra với tư cách là chủ thể nhận thức – và thiên nhiên là khách thể/ hay đối thể – nên phạm trù thiên nhiên không bao hàm “thành viên” con người trong đó.

Phạm trù thiên nhiên, như một phạm trù tri nhận, được thể hiện trong tác phẩm văn học lại càng biểu lộ rõ tính chất chủ thể – khách thể ấy. Theo những cách thức sáng tạo riêng, nhà văn đã mã hoá các ý niệm của mình về phạm trù thiên nhiên để qua đó cho người đọc thấy được mô hình tri nhận riêng phản ánh nhận quan của cá nhân về thế giới và con người sống trong thế giới ấy.

Trong các tác phẩm thơ hiện đại Việt Nam, ý niệm thuộc miền Đích *thiên nhiên* tồn tại như một phạm trù ở bậc khái quát (bậc thượng danh) và bao hàm trong đó nhiều phạm trù cơ sở và thấp hơn nữa là các phạm trù thuộc bậc hạ danh. Có thể hình dung

quan hệ cấp bậc có tính hệ thống này của phạm trù Thiên nhiên trong *thơ hiện đại Việt*

Nam qua bảng sau:

Bảng 1. Phạm trù Thiên nhiên trong thơ hiện đại Việt Nam

Phạm trù khái quát (thượng danh)	Phạm trù cơ sở	Phạm trù hạ danh
Thiên nhiên	Thời gian	Năm, tháng, mùa, ngày, đêm, giờ, canh,...
	Không gian	Vùng, miền, nông thôn, thành phố...
	Cây cối	Hoa, cỏ, cây, ...
	Sông nước	Sông, bể, suối, dòng...
	Thời tiết	Nắng, mưa, gió, sương, tuyết,...
	Vũ trụ	Trăng, trời, mây, sao...

Tương tự như ý niệm thuộc miền Đích Thiên nhiên, miền Nguồn Con người cũng là một phạm trù ở bậc khái quát (bậc thượng

danh) và bao hàm trong đó nhiều phạm trù cơ sở. Phạm trù Con người mang tính cấp bậc thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2. Phạm trù Con người trong thơ hiện đại Việt Nam

Phạm trù khái quát (thượng danh)	Phạm trù cơ sở	Phạm trù hạ danh
Con người	Ngoại hình	Xấu, đẹp, cao, thấp, ...
	Bộ phận cơ thể	Tóc, tay, chân, mắt, tim, óc...
	Hoạt động, trạng thái	Nhớ, ngủ, thức, mong, chiến đấu...
	Tuổi tác	Trẻ, già, thanh niên, thiếu niên, nhi đồng...
	Phẩm chất, tính cách	Hiền, dữ,

Khảo sát 32 biểu thức ngôn ngữ chứa ẩn dụ thu được từ nguồn ngữ liệu đã xác định, thông qua việc chọn lọc và phân bố các thuộc tính cho hai mô hình tri nhận ở miền Nguồn và miền Đích, chúng tôi thiết lập nên ánh xạ ẩn dụ THIÊN NHIÊN LÀ CON NGƯỜI như sau:

a. Sự vật, hiện tượng tự nhiên là con người nói chung

b. Hoạt động, trạng thái của thiên nhiên là hoạt động, trạng thái của con người

c. Thuộc tính của thiên nhiên là phẩm chất, tính cách của con người

3.2. Phân tích một số ẩn dụ cấu trúc THIÊN NHIÊN LÀ CON NGƯỜI trong thơ hiện đại Việt Nam

3 mô hình ánh xạ ẩn dụ SỰ VẬT, HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN LÀ CON NGƯỜI NÓI CHUNG; HOẠT ĐỘNG – TRẠNG THÁI CỦA THIÊN NHIÊN LÀ HOẠT ĐỘNG, TRẠNG THÁI CỦA CON NGƯỜI; THUỘC TÍNH CỦA THIÊN NHIÊN LÀ PHẨM CHẤT, TÍNH CÁCH

CỦA CON NGƯỜI (xem 3.1) cho phép chúng ta nhận thức về các sự vật, hiện tượng tự nhiên (cây cỏ, núi rừng, mưa, gió, trăng, ngày, đêm,...) thông qua các tri thức về con người. Nói cách khác, các nhà thơ tri nhận về các sự vật hiện tượng tự nhiên như những con người cụ thể.

Trước hết phải kể đến các sự vật là cây cối, thực vật. Từ khởi thủy, người Việt đã sinh sống chủ yếu dựa vào nghề trồng trọt, hái lượm, biết tận dụng các sản vật của tự nhiên làm cái ăn, tận dụng “sức mạnh” của tự nhiên để bảo vệ cho cuộc sống của mình... Trải qua hàng trăm năm sinh sống bằng nghề nông, người Việt tích lũy được nhiều kinh nghiệm về mùa màng, cây cối, hiểu biết sâu sắc về các loại cây cũng như đặc tính sinh trưởng, lợi ích... của chúng. Trong tâm thức của người Việt, cây cỏ/thực vật không chỉ là cội nguồn nuôi dưỡng sự sống mà còn là bầu bạn gắn bó, là một sinh thể đặc biệt cũng có linh hồn, có cảm xúc, cảm giác. Vậy nên người dân Việt bao đời nay ưa chuộng lối

sống hoà mình vào thiên nhiên, giàu tình yêu cỏ cây hoa lá, núi rừng, thích cảm nhận cuộc sống của mình trong sự sống tuần hoàn của cỏ cây, hoa lá và rừng núi Bên cạnh đó, với sự ảnh hưởng của quan niệm “thiên nhân hợp nhất”, “vạn vật hữu linh” của tư duy phương Đông, ở nhiều nơi, cây cối, núi rừng đã trở thành biểu tượng tâm linh, là linh vật thờ cúng của con người. Chẳng hạn như người Kinh thờ cây đa, cây gạo ở các đình chùa, miếu mạo, người Dao thờ cây đa, cây sấu, người Chăm có tục thờ dừa, thờ cau... Có những ngọn núi, rừng cây ở nhiều nơi trở thành “vật thiêng” được tôn thờ. Như vậy, coi cỏ cây/hoa lá/núi rừng... cũng giống như con người không phải là kiểu tư duy hiếm gặp của người Việt. Điều này cũng được thể hiện bằng các biểu thức ngôn ngữ chứa ẩn dụ trong các tác phẩm thơ hiện đại. Chẳng hạn, trong bài Việt Bắc (Tố Hữu), núi rừng với cỏ cây hoa lá ở chiến khu Việt Bắc đã trở thành những người bạn tâm giao của người cán bộ miền xuôi trong những năm kháng chiến gian khổ, để đến lúc chia tay thì ngậm ngùi, lưu luyến như chia tay những con người bằng xương bằng thịt:

(1) *Mình về, rừng núi nhớ ai*
Trám bùi để rụng, măng mai để già.

...

Mình về có nhớ núi non
Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh
Mình đi, mình có nhớ mình
Tân Trào, Hồng Thái, mái đình *cây đa*?
(Việt Bắc – Tố Hữu)

Trong kháng chiến, cỏ cây/hoa lá/núi rừng đều có thể trở thành “thần hộ vệ” cho các chiến sĩ:

(2) *Nhớ khi giặc đến giặc lùng*
Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây
Núi giăng thành lũy sắt dày
Rừng che bộ đội rừng vây quân thù
(Việt Bắc – Tố Hữu)

Cả rừng cây, núi đá đều cùng các chiến sĩ cách mạng đánh giặc, núi thì giăng thành lũy sắt dày, rừng thì che cho bộ đội ẩn mình để chống giặc. Cả quân và dân cùng thiên nhiên núi rừng như hòa vào với nhau, tạo nên một khối sức mạnh vô cùng vững chãi, đồng lòng đánh quân xâm lược. Thiên nhiên núi rừng Tây Bắc không hề vô tri vô giác mà vô cùng sống động, thể hiện sự gắn bó, đoàn kết cùng con người Việt Bắc bảo vệ các chiến sĩ cách mạng, góp phần không nhỏ vào sự

nghiệp giải phóng đất nước. Chúng ta cũng bắt gặp những hình ảnh thiên nhiên này trong bài thơ “Tiếng hát con tàu” của Chế Lan Viên:

(3) *Trên Tây Bắc! Ôi mười năm Tây Bắc*
Xứ thiêng liêng rừng núi đã anh hùng
(Tiếng hát con tàu – Chế Lan Viên)

Một bài thơ khác của Tố Hữu cũng được đưa vào chương trình Ngữ văn THPT (thuộc các tác phẩm đọc thêm) là bài thơ *Nhớ đồng*. *Nhớ đồng* là nỗi nhớ toàn bộ cuộc sống bên ngoài mà giờ đây đã trở nên cách biệt đối với người chiến sĩ bị tù đày. Sau khoảnh khắc cảm nhận “gì sâu bằng những trưa thương nhớ” như một cách cắt nghĩa lòng mình, ulla về trên những dòng thơ của *Nhớ đồng* là bao hình ảnh ngồn ngộn sức sống của đồng quê quen thuộc, khi đó, những cồn đất, ruộng tre... dường như cũng đã trở thành những con người gắn bó máu thịt với nhà thơ:

(4) *Đâu gió còn thơm đất nứa mùi*
Đâu ruộng tre mát thở yên vui
Đâu từng ô mạ xanh mơn mơn
Đâu những nương khoai ngọt sắn bùi?

(Nhớ đồng – Tố Hữu)

Trong phạm trù “thiên nhiên”, có phạm trù cơ sở là “vũ trụ” với những *trời, mây, trăng, sao,...* tiêu biểu. Trong số những yếu tố thuộc vũ trụ đó, có lẽ “Trăng” là đối tượng được đề cập nhiều nhất trong thơ ca.

Trong thơ ca, *trăng* là đối tượng được nhiều thi nhân ở mọi thế hệ, mọi thời đại lấy làm biểu tượng nghệ thuật và miêu tả dưới nhiều bình diện khác nhau. Ở mỗi nhà thơ, trăng mang một vẻ đẹp, một nỗi niềm riêng. Trăng trong thơ Xuân Diệu đem lại cảm giác băng khuâng nhẹ nhàng cho người đọc. Trăng trong thơ Hàn Mặc Tử là cả một thế giới đầy bí ẩn, dị thường. Lấy Trăng làm ý niệm trong miền Địch, các nhà thơ cho chúng ta một loạt các ẩn dụ ý niệm về trăng, tiêu biểu là: TRĂNG LÀ CON NGƯỜI, TRĂNG THÁI CỦA TRĂNG LÀ TRĂNG THÁI CỦA CON NGƯỜI...

Trăng được nhìn, hiểu và cảm nhận như một con người cụ thể với đầy đủ các thuộc tính của con người: từ hình dáng bề ngoài đến nội tâm bên trong, hoạt động, trạng thái, cảm xúc, tính chất, đặc điểm...

Trong thơ văn, trăng vốn là một biểu tượng đa nghĩa. Xuất phát từ những đặc tính tự nhiên, là thiên thể ban đêm, trăng thường gợi nên hình ảnh của cái đẹp, của ánh sáng

trong khoảng không mênh mông tăm tối. Trăng vừa là biểu tượng của cái gì đó siêu thoát bên ngoài mà con người không thể vươn tới, lại vừa như những con người thực bình dân, giản dị. Tản Đà từng coi trăng như tri kỉ, một người bạn sẵn sàng cùng chơi với mình :

(5)Chơi văng ngâm chán lại *chơi trăng*
Ra sân cùng bóng đi tung tăng
(Hầu trời – Tản Đà)

Trăng trong thơ Hàn Mặc Tử cũng vậy, cũng được xuất hiện dưới nhiều góc độ: lúc hiển nhiên trần trụi, lúc lại chìm ẩn ở những góc khuất của tâm hồn. Hàn Mặc Tử xem ánh trăng trong thơ như một con người với tất cả những đặc tính có ở con người. Trăng có dáng vẻ, có cảm xúc, có hành động chẳng khác gì con người. Có thể nói Trăng trong thơ Hàn Mặc Tử là một thực thể có linh hồn, một con người thực sự. Hàn Mặc Tử nghe được hơi thở, bước đi, sự chuyển dịch, thậm chí cả suy nghĩ của trăng :

(6)Thuyền ai đậu bến sông trăng đó,
Có chở trăng về kịp tối nay?
(Đây thôn Vĩ Dạ - Hàn Mặc Tử)

Trăng như là nhân vật chứng kiến mọi biến động của xã hội, đồng thời còn là nơi để cho con người thổ lộ mọi tâm trạng, mọi nỗi niềm. Trong *Đàn Ghi ta của Lorca* (Thanh Thảo), Trăng trở thành “người say”, - người thấu hiểu nỗi buồn vui - đau đớn trong lòng thi nhân và cả những tâm tư tình cảm của ông:

(7)Những tiếng đàn bọt nước
Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt
Li-la li-la li-la
đi lang thang về miền đơn độc
với *vàng trắng chói chói*
trên yên ngựa mỗi mòn

(Đàn Ghi ta của Lorca -Thanh Thảo)

Một hình ảnh thiên nhiên nữa xuất hiện trong thơ của một nữ thi sĩ, trở thành một “biểu tượng” về tình yêu đôi lứa say đắm, thiết tha. Đó là *Sóng* của Xuân Quỳnh. Sóng là hình ảnh ẩn dụ của tâm trạng người con gái đang yêu, là sự hoá thân, phân thân của cái tôi trữ tình - một kiểu đặc biệt của cái tôi trữ tình nhập vai. Hai “nhân vật” trữ tình này (*sóng* và *em*) tuy hai mà một, có lúc phân đôi ra để soi chiếu vào nhau, làm nổi bật sự tương đồng, có lúc lại hoà nhập vào nhau để tạo nên sự âm vang, cộng hưởng. Hai hình tượng này đan cài quấn quýt với nhau như hình với bóng, song song tồn tại từ đầu đến cuối bài thơ, soi sáng, bổ sung cho nhau nhằm diễn tả

một cách mãnh liệt hơn, sâu sắc và thấm thía hơn khát vọng tình yêu đang cuộn cuộn trào dâng trong trái tim nữ thi sĩ. “Con sóng” khi ấy trở thành những “con người” với những nhớ thương khi “dữ dội”, lúc lại “dịu êm” thường nhật:

(8)Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
(Sóng – Xuân Quỳnh)

Thời gian cũng là một phạm trù cơ sở thuộc phạm trù thiên nhiên xuất hiện với tần suất khá lớn trong thơ ca, đặc biệt trong thơ ca hiện đại. Thời gian là một phạm trù triết học. Con người và vạn vật không thể tồn tại ngoài quy luật của thời gian. Bởi vậy, nhìn sự vật, sự việc qua lăng kính thời gian chính là một cách để cảm thụ thế giới và con người. Trong thơ hiện đại Việt Nam, các nhà thơ đề cập đến vấn đề thời gian ở nhiều khía cạnh khác nhau, nhưng hầu như, tất cả đều hướng tới mối quan hệ gắn bó giữa thời gian và con người.

Mục đích quan trọng bậc nhất của ẩn dụ ý niệm là đưa những ý niệm trừu tượng trở nên xác định và thông dụng thông qua những từ ngữ vẫn thường được dùng cho những ý niệm cụ thể. Ý niệm cụ thể thường thấy nhất chính là Con người. Phần lớn những ẩn dụ ý niệm về thời gian có miền Nguồn là Con người, và đây cũng chính là cơ sở hình thành ẩn dụ phổ quát: THỜI GIAN LÀ CON NGƯỜI. Thông qua những đặc trưng của con người để nhìn nhận và hiểu về thời gian là loại ẩn dụ ý niệm không còn mới mẻ, song với cách tư duy của các nhà thơ hiện đại, nó lại đem đến những cảm nhận khác biệt. Những thuộc tính của con người (từ đặc điểm tính cách đến bộ phận cơ thể...) được phóng chiếu sang phạm trù thời gian, làm cho thời gian được hiểu, được cảm nhận như những con người thực hiện hữu, sống động:

(9)Tháng Giêng ngon như một cặp môi gần
... *Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già*
(Vội vàng – Xuân Diệu)

(10)Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa
Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa
(Bác ơi – Tố Hữu)

(11)Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua...
(Sóng – Xuân Quỳnh)

Hạt nhân tư tưởng của ngôn ngữ học tri

nhận là quan điểm “dĩ nhân vi trung”, con người luôn ở vị trí trung tâm của vũ trụ, của mọi luận điểm, mọi học thuyết; con người là thước đo của vạn vật trên thế giới này. Chính vì vậy, ý niệm về Thiên Nhiên, Con người và những sự vật, hiện tượng, hoạt động, trạng thái, tính chất, quan hệ... có liên quan đến con người sẽ trực tiếp làm sáng rõ quan điểm đầy tính nhân văn ấy.

4. KẾT LUẬN

Từ ẩn dụ ý niệm THIÊN NHIÊN LÀ CON NGƯỜI cho ta thấy và hiểu những tâm hồn thiết tha yêu cuộc sống, yêu con người và khát vọng sống cống hiến của các nhà thơ. Cùng với đó là tình yêu thiên nhiên, coi thiên nhiên như những người bạn tri âm, tri kỷ, những người đồng hành cùng các nhà thơ trên con đường chinh phục thế giới ngôn từ. Những bài thơ hiện đại Việt Nam trong chương trình Ngữ văn trung học phổ thông vì thế trở nên trong sáng, cuốn hút không chỉ đối với người học mà còn đối với những người yêu thơ Việt Nam nói chung. Những phân tích từ các ví dụ trong bài viết cũng cho chúng ta thấy mô hình tri nhận là cơ sở để đi sâu vào thế giới tâm hồn của một dân tộc với

chiều sâu văn hóa của dân tộc đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tiếng Việt

1. Trần Văn Cơ (2007), *Ngôn ngữ học tri nhận – ghi chép và suy nghĩ*, Nxb Khoa học xã hội.
2. Trần Văn Cơ (2011), *Ngôn ngữ học tri nhận: Từ điển, tường giải và đối chiếu*, Nxb Phương Đông.
3. Hữu Đạt (2011), *Tri nhận không gian, thời gian trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt*, Nxb Từ điển bách khoa.
4. Lý Toàn Thắng (2009), *Ngôn ngữ học tri nhận: Từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, (tái bản, có sửa chữa và bổ sung), Nxb Phương Đông.

B. Tiếng Anh

5. Lakoff, G & Johnson, M (1980), *Metaphors we live by*, Chicago, London.
6. Lakoff, G (1987), *Women, Fire and Dangerous Things, What Categories Reveal About the Mind*, Chicago: University of Chicago Press.

NGŨ LIỆU

7. Sách giáo khoa Ngữ văn 11, 12 (2020), NXB Giáo dục Việt Nam.

CONCEPTUAL METAPHOR “NATURE IS HUMAN” IN VIETNAM MODERN POETRY

Bui Thi Binh

High school To Hieu, Son La city

Abstract: Cognitive linguistics believes that metaphor is an effective tool for people to conceptualize abstract concepts. Cognitive metaphor is a form of human thinking about the world. Viewing Vietnamese modern poetic works (in the High School Literature Textbook) from the perspective of cognitive linguistics, this article aims to clarify a conceptual metaphor "NATURE IS HUMAN", interpret the natural world, through metaphorical concepts expressed in language, thereby understanding the authors' artistic writing styles as well as their personal world.

Keywords: Conceptual metaphor, mapping, nature, people.

Ngày nhận bài: 14/07/2022. Ngày nhận đăng: 27/09/2022

Liên lạc: Bùi Thị Bình, e-mail: lananhtht@utb.edu.vn